

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NA RÌ
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8-2021.

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Thanh Bình**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn Sinh**
Bà **Nông Thị Giáp**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ma Văn Chung** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà **Triệu Kim Thúy** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 87/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 về: “*Ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXX-ST ngày 01 tháng 6 năm 2021 và Các Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 29/6/2021; số 04/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 22/7/2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 23/8/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị Th**, sinh năm 1988 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

2. Bị đơn: Anh **Đặng Văn T**, sinh năm 1986 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông **Sầm Đức T**, là Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/11/2020, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của đương sự, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị Th trình bày:

- Về hôn nhân: Chị xây dựng gia đình với anh Đặng Văn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L (Nay là xã S), huyện N, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 27/9/2006. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc, đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T chơi bời, không chịu khó làm ăn, nhiều lần chị khuyên bảo thì anh T quay ra đánh chị. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2017 đến nay. Trong thời gian sống ly thân tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 (Một) con chung tên là Đặng Vĩnh H, sinh ngày 24/01/2008, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay con chung đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung đến năm đủ 18 tuổi. Không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung:

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Hai vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của đương sự, biên bản làm việc và biên bản hòa giải bị đơn anh Đặng Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh xây dựng gia đình với chị Hoàng Thị Th trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L (Nay là xã S), huyện N, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 27/9/2006. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, không phát sinh mâu thuẫn. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị Th xin ly hôn anh không nhất trí.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 (Một) con chung tên là Đặng Vĩnh H, sinh ngày 24/01/2008, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay con chung đang sống cùng chị Th. Nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị Th ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung đến năm đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung:

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Hai vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Hiện nay anh T đang làm công nhân chuyên về lắp ráp các loại cửa cho công ty EUROWINDOW ở thành phố Hà Nội, do công việc của anh T là công nhân lắp ráp nên thường xuyên đi đến các địa phương khác để làm việc, vì vậy anh T không có chỗ làm việc cố định ở một địa phương nào và cũng không đăng ký tạm trú ở đâu.

Tại các biên bản xác minh cùng ngày 24/3/2021 ông Triệu Xuân H là trưởng thôn và ông Bàn Văn C là trưởng ban mặt trận của thôn K, xã S, huyện N cung cấp thông tin như sau:

Chị Th và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống tại thôn K, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Đến 2017 anh T đi làm ăn xa, chỉ khi đến tết nguyên đán hoặc gia đình có việc thì anh T mới về địa phương. Trong quá trình chị T và anh T chung sống với nhau tổ hòa giải của thôn chưa được hòa giải mâu thuẫn của hai vợ chồng nên không nắm được giữa hai vợ chồng có những mâu thuẫn gì.

Chị Th và anh T có 01 con chung là cháu Đặng Vĩnh H, sinh năm 2008, hiện nay cháu H đang sinh sống cùng chị Th và đang học lớp 7 Trường trung học cơ sở L. Chị Th làm nghề buôn bán, còn anh T đi làm công nhân, cả hai vợ chồng đều có thu nhập. Do vậy cả hai vợ chồng đều có đủ điều kiện nuôi cháu H nhưng để giao cho chị Th hoặc anh T trực tiếp nuôi thì chị Th có điều kiện nuôi cháu H tốt hơn. Vì từ nhỏ đến nay cháu H vẫn thường xuyên sinh sống cùng chị Th. Chị Th vẫn đang sinh sống tại ngôi nhà của hai vợ chồng và hiện nay cháu đang học ở trường Trung học cơ sở L cũng gần nhà; còn anh T thường xuyên đi làm ăn xa, ít có điều kiện chăm sóc cháu nên để giao cháu H cho anh T trực tiếp nuôi thì không tốt bằng chị Th.

Tại biên bản xác minh ngày 26/5/2021 bà Phùng Thị V là Phó chủ tịch Hội phụ nữ xã S, huyện N cung cấp thông tin như sau:

Bà giữ chức vụ Phó chủ tịch Hội phụ nữ xã, kiêm phụ trách người làm công tác trẻ em của xã S. Khi Tòa án giải quyết cho hai vợ chồng chị T và anh T ly hôn, bà có quan điểm về người trực tiếp nuôi cháu Đặng Vĩnh H như sau:

Chị Th làm nghề buôn bán, anh T thì đi làm công nhân ở thành phố Hà Nội ít khi có mặt tại địa phương. Hai vợ chồng có 01 ngôi nhà xây cấp bốn ở thôn K, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, hiện nay chị Th và cháu H đang ở. Qua thăm nắm chị Th và anh T chưa bao giờ bạo lực gia đình với cháu H. Tuy cả hai vợ chồng đều có thu nhập đủ để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H nhưng để giao cho ai là người có điều kiện nuôi cháu H tốt hơn thì chị Th nuôi tốt hơn, vì cháu H hiện nay đang học lớp 7 trường Trung học cơ sở xã L, cách nơi ở hiện nay của hai vợ chồng cũng không xa, môi trường học của cháu H cũng tốt. Anh T đang làm công nhân ở Hà Nội nhưng chưa có nhà ở tại Hà Nội để cháu H có thể chuyển về đó sinh sống và học tập. Ngoài ra qua tìm hiểu nguyện vọng của cháu H thì cháu có nguyện vọng được ở cùng chị Th.

Tại biên bản xác minh ngày 23/8/2021 của TAND huyện Na Rì đối với bà Triệu Thị A và Triệu Thị D là hàng xóm của chị Th, anh T thể hiện:

Chị Th và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn anh chị sinh sống thôn K, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống giữa chị Th và anh T hay xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau, có lần vào dịp tết âm lịch anh T còn đuổi chị Th ra khỏi nhà. Trong cuộc sống chị Th là người phải lo liệu mọi thứ từ nuôi dạy con đến việc lớn, việc nhỏ trong nhà, trong họ hàng, anh T cứ đi làm xa suốt đến dịp tết hay gia đình có việc thì mới thấy về. Nhìn chung anh T không có trách nhiệm với vợ con, hay chơi bời và đã có lần đánh bạc bị bắt và bị xử phạt vi phạm hành chính. Những người hàng xóm của chị Th, anh T thấy rằng cuộc sống của chị Th và anh T không được êm ấm, hạnh phúc như những gia đình khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Hoàng Thị Th được ly hôn với anh Đặng Văn T.

- *Về con chung:* Giao con chung tên là Đặng Vĩnh H, sinh ngày 24/01/2008 cho chị Th nuôi dưỡng đến năm đủ 18 tuổi. Nghĩa vụ cấp dưỡng do chị Th không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Hoàng Thị Th có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Văn T. Bị đơn anh Đặng Văn T có hộ khẩu thường trú tại: Thôn K, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

Anh Đặng Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 29/6/2021 tòa án đã hoãn phiên tòa theo quy định. Tại phiên tòa lần thứ 02 ngày 22/7/2021 anh T tiếp tục vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa vì lý do đang ở trong vùng

dịch Covid 19 không thể về tham gia phiên tòa. HĐXX thấy rằng đây là lý do bất khả kháng nên đã quyết định hoãn phiên tòa lần thứ 02. Sau khi hoãn phiên tòa, tòa án đã thông báo lại thời gian mở phiên tòa và ban hành công văn số 879/VC-TA ngày 23/7/2021 hướng dẫn anh T thực hiện các biện pháp cần thiết liên quan đến công tác phòng chống dịch Covid19, để anh T đảm bảo điều kiện tham gia phiên tòa lần thứ ba vào ngày 23/8/2021. Đến phiên tòa lần thứ 3 vào ngày 23/8/2021 anh T vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do, phiên tòa sau đó đã được tạm ngừng để bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ về tình trạng hôn nhân của chị Th, anh T. Đến ngày 31/8/2021 HĐXX tiếp tục xét xử, tại phiên tòa này người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cung cấp cho Tòa án đơn xin xử vắng mặt của anh T viết, chụp ảnh và gửi qua Zalo cho người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của anh T cũng xác nhận đã trực tiếp trao đổi qua điện thoại với anh T và anh T có ý kiến yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh T. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đặng Văn T theo quy định.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào các tài liệu do các bên đương sự cung cấp, các tài liệu, chứng cứ do tòa án xác minh, thu thập; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2017 giữa chị Th anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn lý do là vì anh T thiếu sự chăm lo, quan tâm đến gia đình, vợ con. Anh T hay chơi bời và chị Th đã nhiều lần góp ý, khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi mà còn xảy ra cãi cọ, mắng chửi nhau. Anh T hay chơi bời được thể hiện qua việc năm 2015 tham gia đánh bạc bị cơ quan Công an bắt giữ và xử phạt vi phạm hành chính. Từ năm 2017 đến nay anh T thường xuyên đi làm công nhân xa nhà, không liên lạc với vợ, con, anh T không hay về nhà thăm vợ, con, chỉ đến dịp tết hay gia đình, họ hàng có việc lớn thì mới về và mỗi khi về cũng không đưa tiền cho chị Th nuôi con, lo công việc gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, anh T thể hiện ý kiến với Tòa án rằng tình cảm giữa anh T và chị Th vẫn bình thường, anh T không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, anh T không cung cấp được chứng cứ, không đưa ra được lời trình bày đủ sức thuyết phục, có căn cứ về việc tình cảm vợ chồng anh T không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng. Đánh giá toàn diện vụ việc, HĐXX thấy rằng có căn cứ để kết luận mâu thuẫn giữa chị Th và anh T ngày càng trầm trọng, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được, các bên đã sống ly thân nhau một thời gian dài, không có sự quan tâm đến nhau. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Th là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

[3] *Về nuôi con chung:* Chị Th và anh T có 01 (Một) con chung tên là Đặng Vĩnh H, sinh ngày 24/01/2008, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Xét đề nghị của chị Th và anh T sau khi ly hôn cả hai anh chị đều có nguyện vọng được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên anh T thường xuyên đi làm ăn xa, tại nơi làm việc anh T cũng không có chỗ ở ổn định nên để giao con chung cho anh T trực tiếp trông

nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng không đảm bảo con chung được phát triển một cách tốt nhất. Chị Th hiện nay làm nghề buôn bán có thu nhập, hiện nay chị Th vẫn ở cùng với cháu H tại ngôi nhà của hai vợ chồng và cháu H đang học tại trường Trung học cơ sở xã L, cách nơi ở hiện nay của hai mẹ con cũng không xa, môi trường học của cháu H cũng tốt. Do vậy yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau ly hôn của chị Th là phù hợp, cần được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện của chị Th và quá trình giải quyết vụ án cả chị Th và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Th và anh T đều xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, nuôi con chung của chị Hoàng Thị Th đối với anh Đặng Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Th được ly hôn với anh Đặng Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Đặng Vĩnh H, sinh ngày 24/01/2008 cho chị Hoàng Thị Th được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến năm đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh Đặng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Nghĩa vụ cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Hai vợ chồng không nợ ai và không cho ai nợ.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị Th phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 06949,

ngày 03/12/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chi Th đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Na Rì;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Na Rì;
- UBND xã S;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Võ Thanh Bình